

Bản án số: 855/2018/DS-PT

Ngày: 24/9/2018

Vv : “*Tranh chấp về bồi thường
thiệt hại do xây dựng*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Huyền Phương

Các thẩm phán:

1/ Ông Trịnh Đắc Phú

2/ Bà Nguyễn Thị Thanh Hiền

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Vũ Thị Ngọc Phúc.- Cán bộ Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh: Bà Nguyễn Thị Mộng Linh – Kiểm sát viên.

Trong ngày 24 tháng 9 năm 2018 tại Phòng xử án Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 279/DSPT ngày 26/6/2018 về việc “*tranh chấp về bồi thường thiệt hại do xây dựng*” Do bản án số: 350/2018/ DS-ST ngày 16/5/2018 của Tòa án nhân dân Quận 12 bị kháng cáo. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 3842/2018/QĐ-PT ngày 28/8/2018 và Quyết định hoãn phiên tòa dân sự phúc thẩm số 7274/2018/QĐ-PT ngày 13/9/2018, giữa:

1. Nguyên đơn: Ông Trần Bạch Đ, sinh năm: 1962 (có mặt)

Hộ khẩu thường trú: 4V, đường QT, Phường M, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tạm trú: 16/2, đường T, Khu phố 3, phường T, Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Bị đơn: Bà Lữ Thị P, sinh năm: 1966 (có mặt)

Hộ khẩu thường trú: 36/2, Khu phố 2, phường T, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tạm trú: 100/1, đường T, Khu phố 3, phường T, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Bà Huỳnh Thị Hoàng O, sinh năm: 1976 (vắng mặt)

Địa chỉ: 10, đường T, Khu phố 3, phường T, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh.

3.2. Cháu Trần Thành Đ, sinh năm: 2001

3.3. Cháu Trần Phát T, sinh năm 2004

Cùng địa chỉ: 10, đường T, Khu phố 3, phường T, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh.

Ông Trần Bạch Đ, nguyên đơn, đồng thời là đại diện theo pháp luật cho các cháu Đ và T

3.4. Ông Đỗ Văn T, sinh năm: 1962(có mặt)

Hộ khẩu thường trú: 36/2, Khu phố 2, phường T, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tạm trú: 100/1, đường T, Khu phố 3, phường T, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh.

4. Người kháng cáo: Bị đơn bà Lữ Thị P kháng cáo toàn bộ bản án.

NỘI DUNG VỤ ÁN

* Trong đơn khởi kiện ngày 12 tháng 10 năm 2017 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn trình bày:

Ông Trần Bạch Đ là chủ sở hữu căn nhà số 10, đường T, phường T, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh. Khoảng tháng 6 năm 2016, bà Lữ Thị P và ông Đỗ Văn T xây nhà số 100/1, đường T, Khu phố 3, phường T, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh làm hư hỏng nhà ông. Tính đến nay, nhà ông đã bị nứt, lún nghiêm trọng nên ông yêu cầu bà P và ông T liên đới bồi thường cho ông số tiền 180.000.000 đồng. Đồng thời, ông cũng yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết phần chi phí kiểm định trong quá trình giải quyết vụ án là 20.900.000 đồng, ai thua kiện phải chịu chi phí kiểm định.

* Tại bản tự khai ngày 05 tháng 12 năm 2017 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, bị đơn là bà Lữ Thị P trình bày:

Bà Lữ Thị P xác nhận có xây dựng nhà số 100/1, đường TX43, Khu phố 3, phường T, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh vào tháng 3 năm 2016. Bà khẳng định, bà đã tuân thủ các quy định của pháp luật trong quá trình xây dựng nhà của mình nên không gây ảnh hưởng gì đến nhà của ông Trần Bạch Đ. Mặt khác, nhà bà tiếp giáp phần đuôi phía sau nhà ông Đ khoảng 6,7 mét, nhà ông Đ nghiêng về phía trước và đất trống cạnh bên hông nhà ông Đ nên không có việc nhà ông Đ bị nứt, lún là do bà xây dựng nhà. Nay bà không đồng ý tất cả các yêu cầu của ông Đ.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan :

- Tại bản tự khai ngày 12 tháng 01 năm 2018, bà Huỳnh Thị Hoàng O thống nhất với ý kiến của ông Trần Bạch Đ.

- Ông Trần Bạch Đ là đại diện theo pháp luật cho các cháu Trần Thành Đ và Trần Phát T có cùng ý kiến như ý kiến của nguyên đơn.

- Tại bản tự khai ngày 05 tháng 12 năm 2017 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, ông T thống nhất với ý kiến của bà Lữ Thị P.

Ngày 16 tháng 5 năm 2018 Toà án Nhân dân Quận M xét xử sơ thẩm bản án số 350/2018/DS-ST, Tuyên xử:

Căn cứ vào khoản 6 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 161, khoản 1 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 584, khoản 4 Điều 585, khoản 3 Điều 589, Điều 605 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào các Điều 2, 6, 7, 9, 30 Luật Thi hành án Dân sự năm 2008,

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn,

1.1. Buộc bà Lữ Thị P và ông Đỗ Văn T phải liên đới bồi thường thiệt hại do xây dựng cho ông Trần Bạch Đ, số tiền là 25.229.000 (Hai mươi lăm triệu hai trăm hai mươi chín ngàn) đồng;

1.2. Buộc bà Lữ Thị P và ông Đỗ Văn T phải liên đới hoàn trả 2.342.838 (Hai triệu ba trăm bốn mươi hai ngàn tám trăm ba mươi tám) đồng chi phí kiểm định cho ông Trần Bạch Đ.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

2.1. Bà Lữ Thị P và ông Đỗ Văn T phải chịu tiền án phí sơ thẩm là 1.261.450 (Một triệu hai trăm sáu mươi một ngàn bốn trăm năm mươi) đồng;

2.2. Ông Trần Bạch Đ phải chịu tiền án phí sơ thẩm là 7.738.550 (Bảy triệu bảy trăm ba mươi tám ngàn năm trăm năm mươi) đồng. Ông Đ đã nộp 4.500.000 (Bốn triệu năm trăm ngàn) đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số AA/2017/0034629 ngày 25 tháng 10 năm 2017 của Chi cục Thi hành án Dân sự Quận M nên được khấu trừ, ông Đ phải nộp thêm 3.238.550 (Ba triệu hai trăm ba mươi tám ngàn năm trăm năm mươi) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của ông Trần Bạch Đ cho đến khi thi hành án xong khoản tiền nói trên, hàng tháng bà Lữ Thị P và ông Đỗ Văn T còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên về quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 28 tháng 5 năm 2018 bị đơn bà Lữ Thị P kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm : Nguyên đơn không rút đơn khởi kiện, người kháng cáo giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Các bên đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Người kháng cáo bị đơn – bà Lữ Thị P trình bày: Tại phiên tòa hôm nay bà giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, đề nghị sửa án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn vì bà cho rằng nhà bà xây dựng không ảnh hưởng tới nhà ông Đ, nhà ông Đ hư hại là do chất lượng xây dựng không tốt.

Nguyên đơn – Ông Trần Bạch Đ trình bày: Ông đề nghị không chấp nhận kháng cáo của bà P, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – Ông Đỗ Văn T trình bày: Đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Lữ Thị P. Tại đơn kháng cáo của bà P có đề tên tôi nhưng tôi không ký tên và không làm thủ tục đóng tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm. Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay tôi xác nhận là tôi không kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát trình bày quan điểm:

Về thủ tục tố tụng: Hội đồng xét xử, thư ký và các đương sự đã tuân thủ đầy đủ các quy định của pháp luật.

Về nội dung kháng cáo:

Về thời hạn kháng cáo: Ngày 16 tháng 5 năm 2018, Tòa án nhân dân Quận M mở phiên tòa xét xử và tuyên theo bản án số 350/2018/DS-ST. Ngày 28/5/2018 bị đơn - bà Lữ Thị P kháng cáo toàn bộ bản án. Căn cứ Khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, kháng cáo của bị đơn đơn trong hạn luật định.

Về nội dung: Căn cứ kết luận kiểm định công trình xây dựng số 112/HĐKT ngày 09/02/2018 của Công ty khảo sát tư vấn thiết kế Sài Gòn có cơ sở xác định việc xây dựng nhà của vợ chồng bà P, ông T đã một phần gây ảnh hưởng đến nhà của ông Trần Bạch Đ. Số tiền bồi thường thiệt hại là 25.229.000đ (Hai mươi lăm triệu hai trăm hai mươi chín ngàn đồng) theo kết quả kiểm định là có cơ sở.

Đề nghị hội đồng xét xử áp dụng Khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Thời hạn kháng cáo:

Ngày 16 tháng 5 năm 2018, Tòa án nhân dân Quận M mở phiên tòa xét xử và tuyên theo bản án số 350/2018/DS-ST. Ngày 28/5/2018 bị đơn - bà Lữ Thị P kháng cáo toàn bộ bản án. Căn cứ Khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, kháng cáo của bị đơn đơn trong hạn luật định nên được xem xét phúc thẩm.

[2] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Nguyên đơn yêu cầu bị đơn bồi thường tiền do bị đơn xây nhà làm hư hỏng nhà của nguyên đơn, bị đơn cư trú và nơi xảy ra việc gây thiệt hại tại Quận

M, Thành phố Hồ Chí Minh, theo quy định tại Khoản 6 Điều 26, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015, đây là "*Tranh chấp về bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng*" Tòa án nhân dân Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh giải quyết đúng thẩm quyền.

[3] Về thủ tục tố tụng:

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Huỳnh Thị Hoàng O đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ theo quy định tại khoản 1 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 nhưng vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà O.

[4] Nội dung kháng cáo:

Về yêu cầu kháng cáo của bị đơn – bà Lữ Thị P:

[4.1] Bà Phụng cho rằng theo kết quả kiểm định, nhà ông Trần Bạch Đằng đã bị nghiêng lún từ tháng 7/2014. Gia đình bà khởi công xây dựng nhà ở là tháng 3/2016. Và hiện nay ông Trần Bạch Đ đã sửa chữa, nâng thẳng đứng nhưng nhà bà không bị ảnh hưởng gì chứng tỏ nhà bà và nhà ông Đ độc lập hoàn toàn.

Xét, Tại tiểu mục 3 mục IV phần E của Kết quả kiểm định công trình trong Hồ sơ kiểm định công trình của Công ty Khảo sát Thiết kế Tư vấn Sài Gòn nhận định chung về nguyên nhân gây hư hỏng công trình như sau: "*Công trình số 106 đường TX43 bị nghiêng lún hướng từ trục B->A' và từ trục 5'->1' ngay sau khi hoàn thành công trình vào tháng 7/2014 như đã phân tích ở mục 1. Công trình số 100/1 đường TX43 khi thi công công trình tiếp giáp với công trình số 106 đường TX43 dài 6,7m đã gây tác động lún ảnh hưởng đến kết cấu của công trình số 106 đường TX43 ngay tại phạm vi này (đà kiềng BTCT dạng conson trục 5-5' và cột xây bằng gạch vị trí (trục 5'/B, 5'/B', 5'/A' tầng trệt và trục 5/B', 5'/B')*".

Có cơ sở xác định, nhà số 106, đường TX 43, phường T, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh do ông Trần Bạch Đằng làm chủ sở hữu đã tự nghiêng lún từ tháng 7/2014, bên bị thiệt hại là nguyên đơn cũng có lỗi trong việc gây thiệt hại nên không được bồi thường phần thiệt hại do lỗi của mình gây ra. Công trình số 100/1 đường TX43 được xây dựng đã tác động làm hư hỏng một phần công trình số 106 đường TX43. Mục V phần E Kết quả kiểm định cũng kê luận "*Dự toán sửa chữa hư hỏng hiện hữu công trình số 106 đường TX43 là: 25.229.000 đồng*", chi phí sửa chữa này thuộc trách nhiệm của chủ nhà số 100/1 đường TX43 (Mục 2/ Công văn số 79/CV ngày 28/3/2018 của Công ty Khảo sát Thiết kế Tư vấn Sài Gòn).

Do đó, căn cứ Điều 15 Nghị định 180/2007/NĐ-CP ngày 7/12/2007 của chính phủ hướng dẫn thi hành luật xây dựng về xử lý vi phạm trật tự đô thị, Khoản 1 Điều 604, Điều 605, Khoản 4 Điều 608, Điều 627 của Bộ luật Dân sự năm 2005, số tiền 25.229.000 đồng là chi phí hợp lý khắc phục thiệt hại thuộc phần lỗi của chủ sở hữu công trình số 100/1 đường TX43. Bà Lữ Thị P và ông

Đỗ Văn T là chủ sở hữu công trình số 100/1 đường TX43 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số vào sổ cấp GCN CH12747 ngày 25/01/2017, cập nhật biến động ngày 06/3/2017 nên Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận một phần yêu cầu của nguyên đơn, buộc bà P và ông T liên đới bồi thường thiệt hại cho nguyên đơn số tiền 25.229.000 đồng là có căn cứ, đúng pháp luật.

[4.2] Xét yêu cầu về chi phí kiểm định:

Tổng thiệt hại theo kết quả kiểm định là 25.229.000 đồng + 199.834.000 đồng = 225.063.000 đồng. Theo hóa đơn Giá trị gia tăng số 0001757 ngày 20/01/2018, chi phí kiểm định là 20.900.000 đồng. Căn cứ vào biên bản làm việc ngày 05/12/2017 của Tòa án nhân dân Quận M, Điều 161 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015, bà P và ông T phải liên đới chịu chi phí kiểm định tương ứng với phần lỗi của mình, số tiền là 25.229.000 đồng nên lệ phí kiểm định phải chịu là $(25.229.000 / 225.063.000 \text{ đồng} \times 20.900.000 \text{ đồng}) = 2.342.838 \text{ đồng}$. Do nguyên đơn đã tạm nộp toàn bộ chi phí kiểm định, tòa sơ thẩm buộc bà P và ông T phải hoàn lại số tiền này cho nguyên đơn là có căn cứ.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Án sơ thẩm xác định đối với yêu cầu của nguyên đơn về bồi thường thiệt hại được Tòa án chấp nhận một phần là số tiền 25.229.000 đồng nên bà P và ông T phải chịu án phí là: 1.261.450 đồng.

Đối với số tiền bồi thường thiệt hại không được Tòa án chấp nhận, 180.000.000 đồng - 25.229.000 đồng = 154.771.000 đồng, nguyên đơn – ông Trần Bạch Đ phải chịu án phí là: 7.738.550 đồng. Nguyên đơn đã nộp 4.500.000 đồng nên còn phải nộp thêm 3.238.550 đồng.

Từ những phân tích trên kháng cáo của bị đơn không có cơ sở chấp nhận và thống nhất với quan điểm của đại diện Viện kiểm sát, giữ nguyên bản án sơ thẩm số: 350/2018/DS-ST ngày 16 tháng 5 năm 2018 của Tòa án nhân dân Quận M.

Về thời hạn thi hành án: Do bản án Dân sự sơ thẩm không ấn định thời gian thi hành án nên cần bổ sung thời gian thi hành án là ngay sau khi bản cán có hiệu lực pháp luật, các bên thi hành dưới sự giám sát của cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

[6] Án phí phúc thẩm: Kháng cáo của bà P không được chấp nhận nên phải chịu án phí phúc thẩm nhưng được trừ án phí đã tạm nộp.

Căn cứ những nhận định trên,

Căn cứ Khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào Khoản 6 Điều 26, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39, Điều 161, Khoản 1 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 604, Điều 605, Khoản 4 Điều 608, Điều 627 của Bộ luật Dân sự năm 2005;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào các Điều 2, 6, 7, 9, 30 Luật Thi hành án Dân sự năm 2008.

Tuyên xử:

Không chấp nhận kháng cáo của bà Lữ Thị P, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 350/2018/DS-ST ngày 16 tháng 5 năm 2018 của Tòa án nhân dân Quận M.

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn,

1.1. Buộc bà Lữ Thị P và ông Đỗ Văn T phải liên đới bồi thường thiệt hại do xây dựng cho ông Trần Bạch Đ số tiền là 25.229.000 (Hai mươi lăm triệu hai trăm hai mươi chín ngàn) đồng;

1.2. Buộc bà Lữ Thị P và ông Đỗ Văn T phải liên đới hoàn trả 2.342.838 (Hai triệu ba trăm bốn mươi hai ngàn tám trăm ba mươi tám) đồng chi phí kiểm định cho ông Trần Bạch Đ.

Các bên thi hành án dưới sự giám sát của cơ quan thi hành án có thẩm quyền ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của ông Trần Bạch Đ cho đến khi thi hành án xong khoản tiền nói trên, hàng tháng bà Lữ Thị P và ông Đỗ Văn T còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí

2.1 Án phí dân sự sơ thẩm:

- Bà Lữ Thị P và ông Đỗ Văn T phải nộp tiền án phí sơ thẩm là 1.261.450 (Một triệu hai trăm sáu mươi một ngàn bốn trăm năm mươi) đồng;

- Ông Trần Bạch Đ phải chịu tiền án phí sơ thẩm là 7.738.550 (Bảy triệu bảy trăm ba mươi tám ngàn năm trăm năm mươi) đồng. Ông Đ đã nộp 4.500.000 (Bốn triệu năm trăm ngàn) đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số AA/2017/0034629 ngày 25 tháng 10 năm 2017 của Chi cục Thi hành án Dân sự Quận M nên được khấu trừ, ông Đ phải nộp thêm 3.238.550 (Ba triệu hai trăm ba mươi tám ngàn năm trăm năm mươi) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

2.2 Về án phí Dân sự phúc thẩm: Bà P phải nộp 300.000 đồng nhưng được trừ theo biên lai tạm nộp số AA/2017/0036515 ngày 29 tháng 5 năm 2018. Bà P đã nộp đủ án phí dân sự phúc thẩm.

3. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND TC;
- TAND cấp cao tại TPHCM;
- VKSND TP.HCM;
- TAND Quận M;
- Chi cục THADS Quận M;
- Cục THADS TP.HCM;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đặng Huyền Phương